Ủy ban Nhân dân
tỉnh Cao Bằng
Tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 36/2021/QĐ-UBND	*Cao Bằng, ngày 02 tháng 11 năm 2021*

Ký bởi: Sở Tư pháp
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng
Thời gian ký: 12/11/2021 10:11:08

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH CAO BẰNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31

tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BKHCN ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: các PCVP, các CV;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CN (V).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Hoàng Xuân Ánh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Kèm theo Quyết định số: 36/2021/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố, bao gồm: hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; quản lý công nghệ; hoạt động sở hữu trí tuệ; hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hoạt động về ứng dụng, bảo đảm an toàn bức xạ và hạt nhân.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp

1. Bảo đảm sự quản lý thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, sử dụng hiệu quả nguồn lực trong việc đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tiễn tại lĩnh vực, phạm vi quản lý của các sở, ban, ngành, địa phương.

3. Kết hợp chặt chẽ giữa quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo ngành với quản lý theo lãnh thổ; phân định rõ nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ giữa Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các sở, ban, ngành.

Chương II
PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Mục 1
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tổ chức việc xác định, đặt hàng, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

a) Xây dựng dự thảo Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp bộ, cấp quốc gia trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; thành phần theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 26 của Luật Khoa học và Công nghệ.

b) Xây dựng đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Xây dựng văn bản đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, gửi Bộ Khoa học và công nghệ.

d) Xây dựng văn bản đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, gửi các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Trung ương.

đ) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước; phê duyệt đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức việc tuyển chọn, giao trực tiếp; phê duyệt và ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

a) Thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm các nội dung: tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, tổng mức kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Hồ sơ trình kèm theo gồm báo cáo kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kết quả thẩm định nội dung và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Trường hợp tên, mục tiêu, nội dung, kết quả nhiệm vụ thay đổi so với quyết định phê duyệt đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ thì phải nêu rõ

lý do, căn cứ tại văn bản trình và đưa nội dung thay đổi vào dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt chi tiết nội dung, kinh phí và phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng, theo dõi, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cấp tỉnh và nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ ủy quyền cho địa phương quản lý.

3. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ.

4. Tổ chức giao quyền sở hữu và quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cho các sở, ban, ngành, huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân theo quy định.

5. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành theo dõi, quản lý quá trình thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước do các cơ quan Trung ương thực hiện trên địa bàn.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của các sở, ban, ngành

1. Tổ chức xác định, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp của ngành.

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ của ngành.

b) Tiếp nhận, tổng hợp và tổ chức lấy ý kiến đối với các đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ của ngành. Việc lấy ý kiến đối với các đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện thông qua Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ của ngành.

c) Xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ của ngành gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.

Trường hợp không có đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ thì sở, ban, ngành thông báo bằng văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các sở, ban, ngành chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc giữ mối liên hệ với bộ chủ quản đối với việc đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp thuộc lĩnh vực quản lý của ngành.

3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi, kiểm tra, đánh giá sau nghiệm thu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực quản lý của ngành.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Tổ chức việc xác định, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp của huyện, thành phố.

a) Thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ của huyện, thành phố.

b) Tiếp nhận, tổng hợp và tổ chức lấy ý kiến đối với các đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ của huyện, thành phố. Việc lấy ý kiến đối với các đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện thông qua Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ của huyện, thành phố.

c) Xác định đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ của huyện, thành phố gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.

Trường hợp không có đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thông báo bằng văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ triển khai trên địa bàn.

Mục 2
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG NGHỆ

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tiếp nhận, bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp quốc gia do Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất đặt hàng sau khi được đánh giá nghiệm thu cho các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức ứng dụng vào thực tiễn.

2. Tổ chức ứng dụng, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp có tính chất liên ngành, liên huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng sau khi được đánh giá nghiệm thu. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt và bố trí kinh phí đối với từng nhiệm vụ ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn.

3. Tổ chức đánh giá năng lực công nghệ và xây dựng định hướng phát triển công nghệ của tỉnh theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt và bố trí kinh phí đối với từng nhiệm vụ đánh giá trình độ công nghệ.

4. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

5. Thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của các dự án đầu tư trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư:

a) Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định hoặc cho ý kiến về công nghệ theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

b) Đối với các dự án đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư:

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư trước khi trình Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao và dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao.

- Cơ quan chủ trì thẩm định chủ trương đầu tư gửi Sở Khoa học và Công nghệ xin ý kiến về công nghệ trước khi trình Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ.

6. Thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của các dự án đầu tư trong giai đoạn quyết định đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước có cấu phần xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định về công nghệ đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ.

b) Đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước không có cấu phần xây dựng (nông nghiệp, công nghệ thông tin, đầu tư trang thiết bị,...) cơ quan chủ trì thẩm định dự án phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định về công nghệ đối với các dự án đầu tư sử dụng công nghệ.

c) Đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách và vốn khác, Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư có sử dụng công nghệ.

d) Để tham vấn chuyên môn, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ hoặc lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập, trường hợp đặc biệt có thể áp dụng cả hai hình thức.

7. Tổ chức thẩm định cơ sở khoa học các quy hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình, đề án khác của địa phương thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân tỉnh phê duyệt.

Việc thẩm định cơ sở khoa học các quy hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình, đề án khác của địa phương được thực hiện thông qua Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành

1. Tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do sở, ban, ngành đề xuất đặt hàng sau khi được đánh giá nghiệm thu và các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ khác phù hợp với định hướng phát triển của ngành.

2. Tổ chức đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của ngành; tham mưu xây dựng định hướng phát triển công nghệ của ngành theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt và bố trí kinh phí đối với từng nhiệm vụ đánh giá trình độ công nghệ của các ngành.

3. Gửi Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Gửi Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định cơ sở khoa học các quy hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình, đề án khác của địa phương thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Tiếp nhận, tổ chức ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do địa phương đề xuất, đặt hàng.

2. Đánh giá năng lực công nghệ cấp huyện, thành phố và xây dựng định hướng phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định phê duyệt và bố trí kinh phí đối với từng nhiệm vụ đánh giá trình độ công nghệ của huyện, thành phố.

3. Thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của các dự án đầu tư trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

a) Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Kinh tế thẩm định hoặc cho ý kiến về công nghệ theo phân công của Ủy ban nhân dân huyện và thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

b) Đối với các dự án đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư:

- Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư trước khi trình Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt đối với các dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao và dự án đầu tư

có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao.

- Cơ quan chủ trì thẩm định chủ trương đầu tư gửi Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Kinh tế xin ý kiến về công nghệ trước khi trình Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt đối với các dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ.

4. Thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của các dự án đầu tư trong giai đoạn quyết định đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

a) Đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước có cấu phần xây dựng, Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Kinh tế thẩm định về công nghệ đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ.

b) Đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước không có cấu phần xây dựng (nông nghiệp, công nghệ thông tin, đầu tư trang thiết bị,...) cơ quan chủ trì thẩm định dự án phối hợp với Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Kinh tế thẩm định về công nghệ đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ.

c) Đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách và vốn khác, Phòng Kinh tế - Hạ tầng/Phòng Kinh tế thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư có sử dụng công nghệ.

5. Để tham vấn chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ hoặc lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập, trường hợp đặc biệt có thể áp dụng cả hai hình thức.

Mục 3
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý thuộc địa phương, kể cả địa danh, dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý đặc sản địa phương:

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xây dựng Danh mục các chỉ dẫn địa lý, địa danh, dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý đặc sản địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoặc không cho phép các tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý, địa danh, dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý đặc sản địa phương trong việc xác lập quyền sở hữu công nghiệp.

3. Tổ chức theo dõi, quản lý các nhãn hiệu có sử dụng chỉ dẫn địa lý, địa danh, dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý đặc sản địa phương sau khi được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban

nhân dân các huyện, thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ, chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật về sở hữu công nghiệp.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành

1. Quản lý các Chỉ dẫn địa lý sau khi được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp theo chỉ định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ quản lý chỉ dẫn địa lý thuộc địa phương, kể cả địa danh, dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý đặc sản địa phương.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng Danh mục các chỉ dẫn địa lý, địa danh, dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý đặc sản địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Theo dõi, quản lý các nhãn hiệu (chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận) có sử dụng chỉ dẫn địa lý, địa danh, dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý đặc sản địa phương sau khi được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; báo cáo tình hình tuân thủ pháp luật về sở hữu công nghiệp, đề xuất Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hủy bỏ, chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật về sở hữu công nghiệp.

4. Ban hành và tổ chức thực hiện các biện pháp thúc đẩy phát triển sản xuất đối với các sản phẩm đã được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sử dụng chỉ dẫn địa lý, địa danh, dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý đặc sản địa phương.

Mục 4
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành xây dựng Kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo giai đoạn và hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương cho các sở, ban, ngành, huyện, thành phố.

c) Thẩm định Kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với từng quy chuẩn kỹ thuật.

d) Thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương do các sở, ban, ngành xây dựng.

đ) Đối với các quy chuẩn kỹ thuật thuộc đối tượng quản lý của ngành khoa học và công nghệ, thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Quy định này.

2. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm quản lý hoạt động chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp đối với các quy chuẩn kỹ thuật địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Tiếp nhận bản công bố hợp chuẩn của các tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

4. Chủ trì tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành

1. Đề xuất và xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương thuộc lĩnh vực quản lý của sở, ban, ngành.

a) Đề xuất xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương thuộc lĩnh vực quản lý của ngành.

b) Tổ chức xây dựng Kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo quyết định giao nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành công văn đề nghị bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý chuyên ngành cho ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

d) Gửi Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

đ) Hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật địa phương sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ quản lý hoạt động chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Đề xuất xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

2. Tổ chức xây dựng Kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo quyết định giao nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành công văn đề nghị bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý chuyên ngành cho ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

4. Gửi Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

5. Hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật địa phương sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Mục 5
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ỨNG DỤNG, BẢO ĐẢM AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Cấp giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn tại cơ sở X-quang chẩn đoán y tế hoạt động trên địa bàn tỉnh.

2. Tiếp nhận và cấp Giấy xác nhận khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành

1. Sở Y tế đôn đốc, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện các quy định bảo đảm an toàn bức xạ tại các cơ sở y tế trên địa bàn.

2. Các sở, ban, ngành phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp tỉnh.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Đôn đốc, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện các quy định bảo đảm an toàn bức xạ tại các cơ sở y tế trên địa bàn huyện, thành phố.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp tỉnh.

Chương III
KINH PHÍ

Điều 18. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ tại Sở Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố được bố trí theo định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh trong từng thời kỳ và được giao tại dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm.

2. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ khác được bố trí từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các nguồn kinh phí khác theo quy định pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước.

3. Đối với nhiệm vụ tiếp nhận, tổ chức ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm lồng ghép, bố trí kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, kinh phí thực hiện các dự án đầu tư, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương, của tỉnh và thu hút nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

Điều 19. Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ

1. Hỗ trợ hoạt động xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ hằng năm, đột xuất của các ngành, huyện thành phố.

2. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ trong các nhiệm vụ ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn.

3. Các nhiệm vụ khác thuộc nội dung chi của nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

CHƯƠNG IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

Các nhiệm vụ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục triển khai thực hiện theo các nội dung đã được phê duyệt.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Khoa học và Công nghệ.

a) Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

b) Hàng năm, hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

c) Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh theo tháng, quý, năm và giai đoạn.

2. Sở Nội vụ.

Hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố các nội dung về tổ chức bộ máy và biên chế quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính.

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí và phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố về kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

a) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp.

b) Phân công các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp.

c) Xây dựng dự toán kinh phí tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp theo hướng dẫn của Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Chủ động lồng ghép, bố trí các nguồn kinh phí để tổ chức ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn.

đ) Báo cáo kết quả hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn theo yêu cầu, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Các sở, ban, ngành.

a) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp.

b) Xây dựng dự toán kinh phí tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp theo hướng dẫn của Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Chủ động lồng ghép, bố trí các nguồn kinh phí để tổ chức ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn.

d) Báo cáo kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của ngành theo yêu cầu, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 22. Điều khoản thi hành

Giao Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức phản ánh bằng văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.